

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 10 – 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khởi.

Ông Trần Xương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973, địa chỉ Số 519, ấp A, thị trấn A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972, địa chỉ ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 1991, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/8/1992, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và Nguyễn Phước T, sinh ngày 30/11/2010, hiện sống chung với bà M.

Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà M trình bày: Do ông P thường xuyên hành hung, đánh đập vợ con, ăn nhậu suốt ngày, sau đó ông P bỏ đi và có gia đình riêng, không còn quan tâm đến vợ, con.

Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

**Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn P;

- Về con chung: Xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 30/11/2010, đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; Còn cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/8/1992, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:* Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung, ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị M. Nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như lời trình bày của bà M, vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà M, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà M, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì dẫn đến phải ly hôn.

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà M, ông đồng ý theo nguyện vọng của người con chung, nếu muốn ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 1991 đến nay, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, bà M và ông P có người 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/8/1992, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và Nguyễn Phước T, sinh ngày 30/11/2010, hiện đang sống với bà M.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[4] Xét thấy, cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ, người cha cũng đồng ý, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 30/11/2010, cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông P, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M đối với ông P.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà M phải chịu 300.000 đồng.

[8] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 9, 14, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P.

2) Về con chung: Giao cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 30/11/2010, đến tuổi trưởng thành, ông P được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M đối với ông P.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000871, ngày 18/9/2019, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, bà M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng